

Vạn Xuân, ngày 17 tháng 7 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Trung tâm Y tế khu vực Tam Nông có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Cung cấp giải pháp và duy trì phần mềm "Bệnh viện thông minh" tháng 8+9/2026, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Y tế khu vực Tam Nông

Địa chỉ: Thôn 17, xã Vạn Xuân, tỉnh Phú Thọ.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Nguyễn Thị Sinh

Chức vụ: Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán

Số điện thoại: 0385429216

Email: nguyensinhbv@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Qua Email hoặc chuyển phát nhanh.

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm y tế khu vực Tam Nông, địa chỉ: Thôn 17, xã Vạn Xuân, tỉnh Phú Thọ.*

- *Nhận qua email: nguyensinhbv@gmail.com*

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10h ngày 17 tháng 7 năm 2026 đến trước 7h00 ngày 23 tháng 7 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày ký.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục tính năng thông số kỹ thuật:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Cung cấp giải pháp và duy trì phần mềm "Bệnh viện thông minh tháng 8+9/2026	<i>Có Phụ lục chi tiết kèm theo</i>	Tháng	2

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng và chuyển giao: Mô tả cụ thể tại Trung tâm Y tế khu vực Tam Nông.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán sau khi hoàn thành hợp đồng.

5. Các thông tin khác (nếu có).

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCKT.


GIÁM ĐỐC
***Ngô Oanh Oanh**

BẢNG MÔ TẢ CÁC TÍNH NĂNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN

(Kèm theo yêu cầu báo giá ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Tam Nông)

STT	Nội dung Phần mềm
1	Phân hệ Quản lý hành chính, đón tiếp
1.1	Điều phối bệnh nhân vào các phòng khám (một hoặc nhiều phòng khám đồng thời)
1.2	Hệ thống xếp hàng cho bệnh nhân vào tiếp đón.
1.3	Hệ thống xếp hàng cho bệnh nhân vào phòng khám.
1.4	Hệ thống xếp hàng cho khoa cận lâm sàng (xét nghiệm, CDHA, phòng lấy mẫu ...)
1.5	Kết nối đầu đọc Qrcode để đọc thông tin thẻ BHYT
1.6	Chức năng cấp thẻ BHYT tạm cho bệnh nhân nhi có giấy chứng sinh
1.7	Tích hợp tra cứu thẻ trực tiếp trên cổng giám định phát hiện thẻ sai sót
1.8	Tự động cập nhật hạn thẻ khi phát hiện sai lệch thông tin trên cổng
1.9	Kết nối màn hình tivi hiển thị số thứ tự tiếp đón
1.10	Phát loa gọi BN vào tiếp đón
1.11	Chức năng chụp ảnh Bệnh nhân và giấy tờ của bệnh nhân
1.12	Chức năng quản lý giữ/trả giấy tờ của bệnh nhân
1.13	Sẵn sàng tích hợp hệ thống thẻ thông minh để tiếp đón Bệnh nhân
2	Phân hệ Quản lý Khám bệnh
2.1	Kết nối màn hình LCD hiển thị danh sách người bệnh chờ khám, người bệnh đã có kết quả CLS
2.2	Chức năng xem ảnh bệnh nhân trên phần mềm
2.3	Phát loa gọi BN vào khám bệnh
2.4	Chức năng Hỏi bệnh
2.5	Chức năng khai báo dấu hiệu sinh tồn
2.6	Chức năng Khám bệnh BN thông thường
2.7	Chức năng lưu mẫu thông tin thăm khám
2.8	Chức năng xem lịch sử khám khi khám bệnh
2.9	Chức năng xem lịch sử dị ứng thuốc khi khám bệnh
2.10	Sẵn sàng tích hợp hệ thống Hồ sơ sức khỏe để xem lịch sử khám chữa bệnh của bệnh nhân
2.11	Sẵn sàng tích hợp hệ thống Thẻ khám bệnh thông minh để xem lịch sử khám chữa bệnh của bệnh nhân
2.12	In tờ điều trị
2.13	Chức năng chỉ định dịch vụ CLS (Xét nghiệm, CDHA, TDCN), Thủ thuật, các dịch vụ khác
2.14	Chức năng tạo nhóm dịch vụ, chỉ định dịch vụ nhanh theo nhóm dịch vụ
2.15	Chức năng sao chép y lệnh cận lâm sàng cũ
2.16	Cảnh báo kết quả xét nghiệm bất thường, nằm ngoài giới hạn cho phép
2.17	Chức năng kê đơn thuốc (trong gói, ngoài gói)
2.18	Chức năng kê đơn vật tư (trong gói, ngoài gói)

2.19	Quản lý, kê đơn thuốc theo phác đồ điều trị chống xuất toàn
2.20	Quản lý, chỉ định dịch vụ theo phác đồ điều trị chống xuất toàn
2.21	Chức năng cảnh báo thuốc khi kê đơn đáp ứng Thông tư 30/2018/TT-BYT
2.22	Chức năng xem kết quả CLS (Xét nghiệm, CDHA, TDCN), thủ thuật trực tiếp tại phòng khám
2.23	Chức năng xác nhận thành phần tham gia PTTT
2.24	Tính công phẫu thuật, thủ thuật
2.25	Tính lỗ lãi, lợi nhuận dịch vụ kỹ thuật: Xét nghiệm, CDHA, Phẫu thuật thủ thuật...
2.26	Hạch toán doanh thu khoa phòng
2.27	Chức năng chuyển phòng khám
2.28	Chức năng Thêm phòng khám
2.29	Chức năng xem hồ sơ bệnh án
2.30	Chức năng cảnh báo số tiền tạm ứng không đủ
2.31	Chức năng cảnh báo kê thuốc vượt định mức trong gói dịch vụ kỹ thuật
2.32	Chức năng cảnh báo kê vật tư vượt định mức trong gói dịch vụ kỹ thuật
2.33	Chức năng chặn không cho phép chỉ định thuốc, vật tư hao phí vượt giá dịch vụ kỹ thuật
2.34	Chức năng quản lý chặt chẽ người bệnh không có thẻ BHYT (Thu tiền công khám, tiền CLS, tiền thủ thuật)
2.35	Chức năng cảnh báo chỉ định trùng dịch vụ
2.36	Chức năng cảnh báo thời gian tái sử dụng HBA1C theo TT35
2.37	Cảnh báo 1 số lưu ý khi chỉ định 1 số dịch vụ theo TT35
2.38	Chức năng sử dụng, tạo đơn thuốc mẫu
2.39	Chức năng sử dụng, tạo đơn vật tư mẫu
2.40	Chức năng sử dụng đơn thuốc cũ
2.41	Chức năng sử dụng đơn vật tư cũ
2.42	Chức năng cảnh báo trùng thuốc, trùng nhóm kháng sinh
2.43	In phiếu chỉ định dịch vụ CLS (Xét nghiệm, CDHA, TDCN...), Thủ thuật, các dịch vụ khác
2.44	In phiếu kết quả CLS (Xét nghiệm, CDHA, TDCN), thủ thuật ngay tại phòng khám
2.45	In đơn thuốc (trong gói, ngoài gói)
2.46	In đơn vật tư (trong gói, ngoài gói)
2.47	Chức năng kết thúc khám: Cấp đơn cho về, cho về, Nhập viện, Chuyển viện, Tử vong, Hẹn khám mới, Hẹn khám tiếp, Khác...
2.48	In phiếu khám bệnh vào viện
2.49	In phiếu chuyển tuyến
2.50	In giấy hẹn khám
2.51	In bảng kê thanh toán ra viện theo mẫu biểu 6556/QĐ-BYT
2.60	Các mẫu biểu báo cáo khác của phân hệ khám bệnh: Sổ khám bệnh, báo cáo hoạt động khám bệnh, báo cáo cận lâm sàng, báo cáo tai nạn thương tích.
2.61	Tính toán thời gian, đường đi ngắn nhất của BN khi thực hiện các dịch vụ CLS (theo tiêu chí TT54)
2.62	Tính toán thời gian trung bình chờ tiếp đón, chờ khám của 1 BN (theo 83 tiêu chí chấm điểm BV)
2.63	Tính toán thời gian trung bình trả kết quả cận lâm sàng: Xét nghiệm, X-quang, Siêu âm...(theo 83 tiêu chí chấm điểm BV)

2.64	Tính toán tỷ lệ % trả kết quả đúng hạn (theo 83 tiêu chí chấm điểm BV)
2.65	Tính toán tỷ lệ % trả kết quả không đúng hạn (theo 83 tiêu chí chấm điểm BV)
2.66	Chức năng khám bệnh cho bệnh nhân khám sức khỏe
2.67	Chức năng cảnh báo số lượng bệnh nhân khám theo phòng, theo bác sĩ
3	Quản lý điều trị nội trú
3.1	Kết nối màn hình LCD hiển thị danh sách người bệnh đang điều trị.
3.2	Chức năng thăm khám.
3.3	Chức năng chỉ định dịch vụ CLS (Xét nghiệm, CDHA, TDCN), Thủ thuật, phẫu thuật, các dịch vụ khác.
3.4	Cảnh báo kết quả xét nghiệm bất thường, nằm ngoài giới hạn cho phép
3.5	Chức năng khai báo thông tin dấu hiệu sinh tồn
3.6	Chức năng kê đơn thuốc (trong gói, ngoài gói)
3.7	Chức năng kê đơn vật tư (trong gói, ngoài gói)
3.8	Chức năng tạo phiếu máu, chế phẩm máu
3.9	Chức năng tổng hợp đơn thuốc thành phiếu tổng hợp y lệnh thuốc
3.10	Chức năng tổng hợp đơn vật tư thành phiếu tổng hợp y lệnh vật tư
3.11	Chức năng tổng hợp các phiếu máu, chế phẩm máu thành phiếu tổng hợp lĩnh máu, chế phẩm máu
3.12	Chức năng xem kết quả CLS (Xét nghiệm, CDHA, TDCN), thủ thuật, phẫu thuật.
3.13	Chức năng cảnh báo thời gian tái sử dụng HBA1C theo TT35
3.14	Cảnh báo 1 số lưu ý khi chỉ định 1 số dịch vụ theo TT35
3.15	Chức năng in kết quả xét nghiệm ngay tại khoa điều trị
3.16	Chức năng hội chẩn
3.17	Chức năng gửi khám kết hợp
3.18	Chức năng gửi điều trị kết hợp
3.19	Chức năng chuyển mổ cấp cứu
3.20	Chức năng chuyển mổ phiên
3.21	Chức năng xem Hồ sơ bệnh án
3.22	Chức năng cảnh báo chỉ định trùng dịch vụ
3.23	Chức năng cảnh báo thuốc khi kê đơn đáp ứng Thông tư 30/2018/TT-BYT
3.24	Chức năng tạo nhóm dịch vụ, chỉ định dịch vụ nhanh theo nhóm dịch vụ
3.25	Chức năng sao chép y lệnh cận lâm sàng cũ
3.26	Chức năng quản lý hồ sơ trẻ sơ sinh và sản phụ
3.27	Chức năng sử dụng, tạo đơn thuốc mẫu
3.28	Chức năng sử dụng, tạo đơn vật tư mẫu
3.29	Chức năng sử dụng đơn thuốc cũ
3.30	Chức năng sử dụng đơn vật tư cũ
3.31	Chức năng cảnh báo trùng thuốc, trùng nhóm kháng sinh
3.32	Chức năng cảnh báo tương tác thuốc theo bảng màu
3.33	Chức năng cảnh báo thuốc còn sử dụng
3.34	Chức năng cảnh báo số tiền tạm ứng không đủ khi chỉ định dịch vụ/thuốc/vật tư (trừ hao phí không tính tiền cho BN)

3.35	Chức năng cảnh báo kê thuốc vượt định mức trong gói
3.36	Chức năng cảnh báo kê vật tư vượt định mức trong gói
3.37	Cảnh báo dịch vụ CLS chưa thực hiện khi xuất khoa/xuất viện.
3.38	Quản lý, kê đơn thuốc theo phác đồ điều trị để tránh bị xuất toán BHYT
3.39	Quản lý, chỉ định dịch vụ theo phác đồ điều trị trong xuất toán
3.40	In phiếu chỉ định dịch vụ CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN...), Thủ thuật, các dịch vụ khác
3.41	In phiếu tổng hợp y lệnh thuốc
3.42	In phiếu tổng hợp y lệnh vật tư
3.43	In phiếu tổng hợp lĩnh máu
3.44	In phiếu tổng hợp lĩnh suất ăn
3.45	In phiếu điều trị
3.46	In phiếu chăm sóc
3.47	In phiếu chức năng sống
3.48	In phiếu truyền máu
3.49	In phiếu truyền dịch
3.50	In phiếu hội chẩn
3.51	In giấy chứng nhận Phẫu Thuật
3.52	In phiếu chỉ định giải phẫu bệnh
3.53	In giấy đề nghị người bệnh đi tạm ứng
3.54	Chức năng kết thúc điều trị: Ra viện, Trốn viện, Chuyển khoa, Chuyển viện, Tử vong, Khác
3.55	In giấy ra viện (lấy được cả thông tin PTTT như phương pháp PT..., thông tin nghỉ ốm (nhập số ngày được nghỉ, tính bắt đầu từ ngày ra viện +1))
3.56	In giấy chuyển tuyến
3.57	In phiếu công khai thuốc (Mẫu 11D /BV-01/TT23)
3.58	In bảng kê thanh toán theo mẫu 6556
3.59	In bảng kê thanh toán theo mẫu 6556 cho từng đối tượng bệnh nhân
3.60	Tính toán thời gian, đường đi ngắn nhất của BN khi thực hiện các dịch vụ CLS (theo tiêu chí TT54)
3.61	BN xuất viện chưa thanh toán thì lần vào viện sau sẽ cảnh báo tại tiếp đón.
3.62	Kiểm tra thông tin thẻ BHYT trên cổng thông tin BH khi nhập thẻ BH trong nội trú.
4	Quản lý chỉ định lâm sàng, cận lâm sàng
4.1	Chỉ định dịch vụ cận lâm sàng
4.2	Chỉ định dịch vụ cận lâm sàng theo gói
4.3	Chuyển đổi loại hình thanh toán khi chỉ định
4.4	Cảnh báo số tiền vượt trần BHYT khi chỉ định CLS
4.5	Chỉ định cận lâm sàng theo phác đồ
4.6	Cảnh báo chỉ định cận lâm sàng sai phác đồ
4.7	Quản lý ICD10 khi chỉ định cận lâm sàng
4.8	Chức năng sao chép chỉ định cũ
5	Phân hệ quản lý phòng mổ
5.1	Quản lý phòng mổ chương trình, phòng mổ cấp cứu, phòng mổ dịch vụ (yêu cầu)
5.2	Quản lý BN mổ chương trình, mổ cấp cứu, mổ dịch vụ (yêu cầu)

5.3	Chức năng lên lịch mổ, duyệt mổ
5.4	Chức năng trả mổ
5.5	Chức năng trả về khoa điều trị
5.6	Hệ thống báo cáo thống kê: Số ca BN mổ phiên, mổ cấp cứu
5.7	Quản lý vật tư từ trực phòng mổ
5.8	Quản lý ekip mổ
5.9	Quản lý thuốc, vật tư, gói phẫu thuật thủ thuật trong ca mổ
5.10	Quản lý Bệnh nhân hậu phẫu, sau mổ
5.11	Hệ thống báo cáo thống kê: Doanh thu phòng mổ, lợi nhuận phòng mổ, số PTTT, báo cáo tai nạn thương tích.
6	Quản lý phẫu thuật thủ thuật
6.1	In phiếu chứng nhận PTTT
6.2	In giải trình phẫu thuật thủ thuật
6.3	Chức năng khai báo tiền công tham gia PTTT
6.4	Tính toán lợi nhuận phẫu thuật thủ thuật
6.5	Tạo thuốc, vật tư đi kèm gói phẫu thuật thủ thuật
6.6	Tạo thuốc, vật tư ngoài gói phẫu thuật thủ thuật
6.7	Quản lý định mức thuốc gói phẫu thuật thủ thuật
6.8	Quản lý định mức vật tư gói phẫu thuật thủ thuật
6.9	Chức năng cảnh báo không cho phép chỉ định tổng tiền thuốc, vật tư hao phí lớn hơn gói dịch vụ
6.10	Khai báo thông tin phẫu thuật, thủ thuật theo TT50: BS gây mê, phụ mê, phương pháp...
6.11	Tính công phẫu thuật, thủ thuật theo QĐ 73 cho ekip tham gia phẫu thuật
6.12	Tính toán chi phí cuộc mổ có thay ekip mổ, không thay ekip mổ.
6.13	In thông tin hành chính các biểu mẫu Bảng kiểm an toàn, phẫu thuật thủ thuật, phiếu XN giải phẫu bệnh sinh thiết, trích biên bản hội chẩn PT, biên bản hội chuẩn PT, bảng kiểm chuẩn bị BN trước PT, bảng câu hỏi tiền phẫu, phiếu GMHS, phiếu theo dõi bệnh nhân chăm sóc cấp I sau phẫu thuật tại mũi họng.
6.14	In phiếu thực hiện và công khai thuốc (in theo tờ điều trị)
6.15	Liên thông XML 4210 bảng 5 về thông tin PHAU_THUAT
7	Quản lý xét nghiệm
7.1	Chức năng in barcode
7.2	Chức năng tiếp nhận bệnh phẩm
7.3	Chức năng xem Hồ sơ bệnh án
7.4	Chức năng chạy lại 1 kết quả xét nghiệm hoặc nhiều kết quả xét nghiệm
7.5	Chức năng sửa kết quả xét nghiệm
7.6	Chức năng kê đơn vật tư hóa chất
7.7	Chức năng kê đơn vật tư thanh toán riêng theo TT04
7.8	Chức năng khai báo định mức cho dịch vụ xét nghiệm
7.9	Chức năng tạo phiếu tổng hợp linh vật tư hóa chất
7.10	Cảnh báo kết quả xét nghiệm bất thường, nằm ngoài giới hạn cho phép
7.11	Nhận chỉ định từ khoa phòng, đồng bộ kết quả xét nghiệm của BN tại khoa phòng.

7.12	Chức năng trả kết quả từng phần (Sử dụng 1 phiếu có nhiều xét nghiệm, XN có kết quả trước, XN có kết quả sau)
7.13	Chức năng in kết quả từng phần (Sử dụng 1 phiếu có nhiều xét nghiệm, XN có kết quả trước, XN có kết quả sau)
7.14	Kết nối đầu đọc barcode
7.15	Chức năng giao tiếp với máy xét nghiệm qua cổng Com, RJ45, RJ11...
7.16	Chức năng terminal đón nhận raw, view raw, kiểm tra raw từ máy xét nghiệm
7.17	Tích hợp các protocol máy xét nghiệm: HL7, ASTM1381, ASTM1394, ASCII, Advia, Hitachi, AU, Rpidboind...
7.18	Kết nối xét nghiệm theo nhiều chuẩn khác nhau: RS232, TCP IP Server, TCP IP Client
7.19	Liên thông với XML 4210 bảng 4 lấy thông tin mã máy xét nghiệm
7.20	Kết nối máy xét nghiệm 1 chiều
7.21	Kết nối máy xét nghiệm 2 chiều
7.22	In kết quả xét nghiệm bằng phần mềm
7.23	Trả kết quả xét nghiệm qua mạng về khoa/phòng
7.24	Hệ thống số xét nghiệm: Sinh hóa, vi sinh, huyết học, nước tiểu theo QĐ 4069....
7.25	Hệ thống báo cáo thống kê xét nghiệm
7.26	Hệ thống báo cáo doanh thu xét nghiệm: Doanh thu theo thu tiền, doanh thu theo trả kết quả thực tế
7.27	Sẵn sàng tích hợp hệ thống kho dữ liệu của Sở y tế về đồng bộ kết quả CLS
8	Quản lý Chẩn đoán hình ảnh, Thăm dò chức năng
8.1	Kết nối với màn hình hiển thị danh sách Người bệnh chờ thực hiện.
8.2	Kết nối với các máy sinh ảnh
8.3	Chức năng gọi người bệnh vào thực hiện
8.4	Phân phòng thực hiện tự động cho từng dịch vụ
8.5	Kết nối với hệ thống PACS cho phép kỹ thuật viên xem ảnh ngay trên RIS
8.6	Lập lịch, thời gian hoạt động cho phòng thực hiện
8.7	Chức năng nhập mô tả, kết luận, đính kèm ảnh và ghi chú.
8.8	Chức năng chỉnh sửa ảnh Xquang, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ
8.9	Chức năng kê đơn thuốc
8.10	Chức năng kê đơn vật tư
8.11	Chức năng khai báo định mức cho dịch vụ
8.12	Chức năng tạo phiếu tổng hợp lĩnh thuốc
8.13	Chức năng tạo phiếu tổng hợp lĩnh vật tư
8.14	In kết quả bằng phần mềm
8.15	Hệ thống báo cáo doanh thu CDHA, số CDHA
8.16	Trả kết quả qua mạng về khoa/phòng (Gồm: Mô tả, kết luận, hình ảnh và ghi chú)
8.17	Sẵn sàng kết nối hệ thống full PACS theo chuẩn HL7
8.18	Sẵn sàng tích hợp hệ thống kho dữ liệu của Sở y tế về đồng bộ kết quả CLS
9	Phân hệ quản lý máu, chế phẩm máu
9.1	Quản lý kho máu: Nhập, xuất, tồn, kiểm kê
9.2	Hệ thống báo cáo kho máu: thẻ kho, phiếu nhập, xuất, biên bản kiểm kê, kiểm nhập, nhập xuất tồn kho máu

9.3	Chỉ định máu, chế phẩm máu
9.4	In phiếu lĩnh máu tổng hợp
9.5	In phiếu lĩnh máu theo từng bệnh nhân
10	Phân hệ thu ngân
10.1	Kết nối đầu đọc barcode.
10.2	Chức năng tìm kiếm (theo mã bệnh nhân, theo tên bệnh nhân, theo thẻ BHYT)
10.3	Chức năng tạo sổ thu tiền
10.4	Chức năng tạo sổ tạm ứng
10.5	Chức năng khóa sổ
10.6	Chức năng tạo phiếu tạm ứng tiền cho người bệnh.
10.7	Chức năng tạo phiếu thu tiền cho người bệnh.
10.8	Chức năng tạo phiếu hoàn ứng cho người bệnh.
10.9	Chức năng hủy phiếu thu tiền, hủy phiếu tạm ứng.
10.10	Chức năng duyệt kế toán
10.11	Chức năng hiển thị trạng thái bệnh nhân: (Đã đóng bệnh án, Đã duyệt kế toán, chưa duyệt kế toán)
10.12	In phiếu thu tạm ứng.
10.13	In biên lai thu tiền.
10.14	In hóa đơn từ phần mềm
10.15	In phiếu thu hoàn ứng
11	Phân hệ quản lý tài chính
11.1	Hoạch toán doanh thu, chi phí từng khoa phòng chỉ định: BHYT, Viện phí, Dịch vụ
11.2	Hoạch toán doanh thu khoa phòng thực hiện: BHYT, Viện phí, Dịch vụ...
11.3	Hoạch toán doanh thu dịch vụ kỹ thuật theo: BHYT, Viện phí, Dịch vụ...
11.4	Hoạch toán doanh thu theo nhóm dịch vụ: Xét nghiệm, CĐHA, TDCN, PTTT...
11.5	Hoạch toán doanh thu theo hóa đơn bệnh nhân BHYT, Viện phí, Dịch vụ...đối tượng nội trú, ngoại trú
11.6	Hoạch toán doanh thu tạm ứng, hoàn ứng đối tượng nội trú, ngoại trú
11.7	Hệ thống báo cáo thống kê chi phí: chi phí của bệnh nhân (thuốc, vật tư hao phí trong gói dịch vụ), chi phí khoa phòng
11.8	Hoạch toán doanh thu, lợi nhuận phẫu thuật thủ thuật
11.9	Sẵn sàng tích hợp hệ thống hóa đơn điện tử
12	Giám định BHYT
12.1	Kết xuất dữ liệu XML theo QĐ 4210
12.2	Kết xuất dữ liệu XML theo QĐ 917
12.3	Kết xuất dữ liệu XML thông tuyến
12.4	Kết xuất dữ liệu XML Bệnh nhân không có BHYT
12.5	Kết xuất dữ liệu XML QĐ 4210 tự động
12.6	Kết xuất dữ liệu XML QĐ 4210 tự động BN ra viện theo TT48
12.7	Kết xuất XML QĐ 4210 từng bệnh nhân đang điều trị
12.8	Duyệt giám định BHYT
12.9	Kết xuất mẫu biểu báo cáo BHYT: 19,20,21,79.80 theo QĐ 1399, File mềm gửi cổng theo CV3360

13	Quản lý danh mục đồng chung
13.1	Quản lý danh mục khám bệnh: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15
13.2	Quản lý danh mục xét nghiệm: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15
13.3	Quản lý danh mục chẩn đoán hình ảnh: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15
13.4	Quản lý danh mục thăm dò chức năng: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15
13.5	Quản lý danh mục phẫu thuật thủ thuật: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15, loại PTTT
13.6	Quản lý danh mục ngày giường: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15
13.7	Quản lý danh mục vận chuyển: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15
13.8	Quản lý danh mục khoa, phòng, kho theo QĐ BHYT: Mã khoa theo BHYT, Mã phòng theo BHYT
13.9	Quản lý danh mục đường dùng BHYT: Mã đường dùng theo BHYT, tên đường dùng
13.10	Quản lý danh mục hoạt chất, mã hoạt chất BHYT: mã hoạt chất theo BHYT, tên hoạt chất, mã hoạt chất TT40
13.11	Quản lý danh mục thuốc: mã tương đương, số đăng ký, thông tin thầu, thông tin thuốc
13.12	Quản lý danh mục vật tư: mã tương đương, số đăng ký, thông tin thầu, thông tin vật tư
13.13	Quản lý danh mục người dùng: mã user, tên nhân viên, chức danh, số chứng chỉ hành nghề
13.14	Quản lý danh mục ICD10 theo quy định BHYT
13.15	Quản lý danh mục kết quả điều trị
13.16	Quản lý danh mục mã nhóm dịch vụ
13.17	Quản lý danh mục máy y tế: mã máy, tên máy, seri, nguồn mua..
14	Phân hệ quản lý kho, Nhà thuốc (Thuốc, vật tư và máu)
14.1	Quản lý danh mục thuốc, vật tư, hàng hóa
14.2	Quản lý danh mục kho
14.3	Quản lý danh mục đơn vị
14.4	Quản lý danh mục hoạt chất
14.5	Quản lý danh mục biệt dược
14.6	Quản lý danh mục đường dùng
14.7	Quản lý danh mục nước sản xuất
14.8	Quản lý danh mục hãng sản xuất
14.9	Quản lý danh mục nhà cung cấp
14.10	Quản lý danh mục đơn vị
14.11	Quản lý danh mục khách hàng, khách lẻ, đối tác
14.12	Quản lý danh mục đường dùng
14.13	Quản lý danh mục nguồn chương trình
14.14	Quản lý danh mục báo cáo
14.15	Quản lý danh mục nhóm dược lý
14.16	Quản lý danh mục nhóm quản lý

A.7	Các năng suất tiêu thụ nhiên liệu
A.8	Các năng suất tiêu thụ điện
A.9	Các năng suất vận tải
A.10	Các năng suất ATM, VPS
A.11	Các năng suất tiêu dùng công
A.12	Các năng suất từ các nguồn
A.13	Các năng suất chuyển đổi
A.14	Các năng suất vào và Xua/phương
A.15	Các năng suất vào và Xua
A.16	Các năng suất kiểm kê
A.17	Các năng suất chuyển đổi
A.18	Các năng suất chuyển đổi
A.19	Các năng suất vào nhà cung cấp
A.20	Các năng suất ngoại nhập
A.21	Các năng suất này, hàng hóa
A.22	Các năng suất kiểm nghiệm
A.23	Các năng suất kiểm kê
A.24	Các năng suất tự lực
A.25	Các năng suất sản xuất vật tư hết hạn sử dụng
A.26	Các năng suất sản phẩm lượng
A.27	Các năng suất sản phẩm thuốc, vật tư BQ không tính
A.28	Các năng suất của các loại ghiệp nhập
A.29	Các năng suất của các loại ghiệp xuất
A.30	Các năng suất kiểm kê: chất kỹ, máy kỹ
A.31	Các năng suất tập trung, vật tư theo cơ sở
A.32	Các năng suất tập trung, vật tư theo bình nhân
A.33	Các năng suất thuốc theo cơ chế: Hạn sử dụng hết trước thì xuất trước, nhập trước xuất tiếp
A.34	Các năng suất khai thác thông tin
A.35	Các năng suất thuốc, vật tư tồn kho
A.36	Các năng suất thuốc, vật tư nhập nhà cung cấp
A.37	Các năng suất xem thông tin xuất nhập
A.38	Các năng suất xem thông tin ghiệp yêu cầu
A.39	Các năng suất xem hồ sơ bệnh án
A.40	Các năng suất tích hợp liên thông nhà thuốc lên cổng được quốc gia
A.41	Vấn đề tích hợp hệ thống khi dữ liệu của Sry y tế về đồng bộ dữ liệu thuốc
A.42	Các năng suất thị trường thái phiêu
A.43	Các năng suất tìm kiếm
A.44	Các năng suất thông tin (Tên, Số lô, Số đăng ký, Số lượng tồn đầu, Số lượng tồn kho, Thuốc đã kê đơn, Thuốc hết hạn)
A.45	In ghiệp nhập kho
A.46	In ghiệp nhập kiểm kê

14.57	In phiếu xuất kho
14.58	In phiếu hoàn trả
14.59	In phiếu xuất hủy
14.60	In phiếu xuất kiểm nghiệm
14.61	In phiếu xuất kiểm kê
14.62	In biên bản kiểm nhập
14.63	In thẻ kho (Mẫu 04D/BV-01/TT22)
14.64	Chức năng quản lý lô thuốc
15	Phân hệ báo cáo dược
15.1	Bổ sung báo cáo:
	- Sổ theo dõi xuất, nhập, tồn kho thuốc gây nghiện, hướng thần, tiền chất làm thuốc (phụ lục VIII - TT20/2017)
	- Sổ theo dõi xuất, nhập, tồn kho thuốc dạng phối hợp có chứa chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất, thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc, thuốc và dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực (phụ lục XVIII - TT20/2017)
	- Báo cáo xuất, nhập, tồn kho, sử dụng thuốc GN, HT, TC, thuốc phóng xạ, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất (phụ lục X - TT20/2017)
	- Sổ theo dõi thông tin chi tiết khách hàng (phụ lục XXI)
15.2	Báo cáo công tác khoa Dược bệnh viện (Mẫu 10D/BV-01/TT22)
15.3	Báo cáo sử dụng thuốc (Mẫu 05D/BV-01/TT22)
15.4	Báo cáo sử dụng kháng sinh (Mẫu 06D/BV-01/TT22)
15.5	Báo cáo sử dụng hóa chất (Mẫu 08D/BV-01/TT22)
15.6	Báo cáo sử dụng vật tư y tế tiêu hao (Mẫu 09D/BV-01/TT22)
15.7	Biên bản kiểm kê thuốc (Mẫu 11D/BV-01/TT22)
15.8	Biên bản kiểm kê hóa chất (Mẫu 12D/BV-01/TT22)
15.9	Biên bản kiểm kê vật tư y tế tiêu hao (Mẫu 13D/BV-01/TT22)
15.10	Biên bản xác nhận thuốc/hóa chất/vật tư y tế tiêu hao mất/hỏng/vỡ (Mẫu 14D/BV-01/TT22)
15.11	Thống kê 15 ngày sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao (Mẫu 16D/BV-01/TT23)
15.12	Báo cáo xuất nhập tồn kho
15.13	Báo cáo tồn kho toàn viện
15.14	Báo cáo xuất nhập theo khoa phòng
16	Quản lý hồ sơ bệnh án, quản lý kế hoạch tổng hợp, báo cáo thống kê
16.1	Quản lý kho bệnh án, quản lý nhập kho, quản lý mượn/trả hồ sơ bệnh án
16.2	Duyệt lưu trữ bệnh án: vị trí lưu trữ, nơi lưu trữ (HSBA phải qua KHTH mới xuống kho lưu trữ) (Vị trí lưu trữ cấp tự động khi xuất viện, vị trí theo định dạng YY.XXX-T, trong đó YY là năm, XXX là hộp lưu trữ, T là tầng từ 1 đến 50 theo từng hộp).
16.3	Có bước ký nhận hồ sơ giữa Khoa điều trị và P.KHTH (BN xuất viện thì danh sách chờ nằm tại P.KHTH).
16.4	Yêu cầu vị trí lưu trữ và số lưu trữ phải liên tục
16.5	Cấp số lưu trữ tự động sinh theo khoa đầu tiên
16.6	Cấp số lưu trữ tự động sinh theo khoa cuối cùng (định dạng số lưu trữ YYXXXXXXXX, trong đó YY là năm, XXXXXXXXXX tăng từ 1 theo năm)
16.7	Tự động reset số lưu trữ theo năm hoặc tăng liên tục

16.8	Tìm kiếm thành theo số lưu trữ, mã bệnh nhân.
16.9	Đào tạo thống kê bệnh án: đã lưu trữ, chưa lưu trữ, bao gồm các thống tin lưu trữ của bệnh án
16.10	Hệ thống báo cáo thống kê mortality 2003
16.11	Hệ thống báo cáo mẫu báo cáo thống kê TT27 BHYT (tình hình bệnh tật tử vong, hoạt động khám bệnh, hoạt động điều trị, hoạt động PTTT, Hoạt động cận lâm sàng, hoạt động tư chính...)
16.12	Hệ thống báo cáo kế hoạch vùng hợp
16.13	Hệ thống báo cáo gian hạn, thống kê toàn bộ hoạt động bệnh viện
16.14	Hệ thống dashboard hiển thị số liệu hoạt động của bệnh viện
17	Quản lý quản trị hệ thống
17.1	Quản lý người dùng, phân quyền người dùng
17.2	Quản lý, phân quyền in ấn các biểu mẫu, giấy tờ, báo cáo
17.3	Chức năng báo cáo động: cho phép tự sinh các biểu mẫu, giấy tờ, báo cáo. Tự đặt công thức vào báo cáo
17.4	Quản lý máy trạm
17.5	Chức năng thông báo với các máy trạm
17.6	Log các thao tác người dùng
17.7	Khóa dịch vụ (tạm thời không cho phép bác sĩ chỉ định dịch vụ/ thuốc/ vật tư.... vì lý do nào đó. VD: máy hỏng, thuốc hết định)
17.8	Update các biểu mẫu, báo cáo

PHỤ LỤC

(Kèm theo yêu cầu báo giá ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Tam Nông)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Tam Nông

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế khu vực Tam Nông, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế:

ST T	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mỗi thầu	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1						
2						
3						
Tổng cộng giá trị hợp đồng:.... (Số tiền viết bằng chữ:....)						

Giá trên là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển, bảo hành và các chi phí khác.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... ..[ghi ngày ...tháng...năm....]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày....tháng....năm.....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))